

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 16 – 5 – 2018

“V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Huy Tùng.

2/ Ông Nguyễn Văn Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Trân, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa: Ông Lý Út Hoài, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 62/2018/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2018 về vụ “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị Sóc T, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp S, xã H, thị xã C, tỉnh S.

Bị đơn: Anh Lâm D, sinh năm 1990 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện Đ, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị T trình bày:

Chị T với anh D kết hôn với nhau năm 2012 (đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã C số 79 ngày 04 tháng 4 năm 2012). Sau khi kết hôn chị T về sống bên gia đình chồng tại ấp N, xã T, huyện Đ, tỉnh S một thời gian thì quay về sống tại nhà cha mẹ ruột. Thời gian đầu thì cả hai sống hạnh phúc đến tháng 02/2013 thì hai người phát sinh mâu thuẫn do anh D không quan tâm đến vợ con và hai người đã ly thân từ đó cho đến nay.

Trong quá trình chung sống chị T và anh D có một con chung tên H, sinh ngày 27/11/2012, hiện cháu đang sống bên nội. Tháng 9/2017, cha, mẹ chồng của chị T có đến xin chị T mang cháu H về để cho cháu đi học và chị T đã đồng ý cho cháu về sống bên nội từ tháng 9/2017 đến nay.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh D.

Về con chung: Đồng ý giao con cho anh D trực tiếp nuôi con nhưng chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý số 62/TB-TLVA ngày 16 tháng 3 năm 2018, tổng đạt hợp lệ cho bị đơn anh D nhưng anh D không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ hai lần đối với anh D để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh D đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã lập biên bản về việc vắng mặt anh D, không tiến hành hòa giải được và anh D cũng không có lời khai trong hồ sơ vụ án. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Về hôn nhân: Cho chị T ly hôn với anh D. Về con chung: Giao cho anh D nuôi dưỡng con chung, chị T không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không tranh chấp nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chỉ t có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay anh D mặc dù đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với chị T và anh D.

[2] Về nội dung: Chị T yêu cầu Tòa án cho ly hôn với anh D. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị T với anh D là hôn nhân hoàn toàn hợp pháp (hai người có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã C, tỉnh S và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 79 ngày 04 tháng 4 năm 2012). Kết hôn trên cơ sở tự nguyện, thời gian đầu hai vợ chồng sống hạnh phúc. Đến tháng 02 năm 2013 hai bên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, không hạnh phúc trong tình cảm vợ chồng và hai người ly thân với nhau từ đó cho đến nay, thời gian ly thân vợ chồng không ai tới lui, chăm sóc nhau. Chị T kiên quyết yêu cầu ly hôn cho thấy tình trạng hôn nhân của hai người đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T yêu cầu được ly hôn với anh D là có căn cứ được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Cháu H (nam), sinh ngày 27/11/2012 đang sống cùng anh D. Việc trông nom, chăm sóc con chung là nghĩa vụ của cha mẹ. Cháu H hiện sống với anh D và ông bà nội và để tránh làm xáo trộn cuộc sống bình thường của cháu H và chị T cũng đồng ý để cháu H được tiếp tục sống với anh D và ông bà nội. Do đó cần ghi nhận sự tự nguyện này của chị T được quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con nếu lạm dụng thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con, vì không ghi nhận được ý kiến của anh D do anh D vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Cho nên cần chấp nhận ý kiến của chị T không buộc chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chị T yêu cầu nên chị Trảng phải chịu theo luật định.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị T.

2/ Về hôn nhân: Chị T được quyền ly hôn với anh D.

3/ Về con chung: Giao cháu H, sinh ngày 27/11/2012 cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị T không phải cấp dưỡng cho con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

4/ Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2015/0009535 ngày 14/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy chị T đã nộp xong án phí.

Án sơ thẩm được xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THA huyện Trần Đề;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV&THA);
- Các đương sự.
- UBND xã Vĩnh Hải, TX Vĩnh Châu;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng

